

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23-01-2024

V/v hủy kết hôn trái pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc Hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị M ; đăng ký thường trú: Cum A, Thôn GP, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn PT, xã PT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn A; nơi cư trú: Cum A, Thôn GP, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25-09-1997 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Tại thời điểm kết hôn, do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên chị đã khai năm sinh của mình là 1978, chị và anh Nguyễn Tuấn A đã được UBND xã TH là nơi cư trú của anh Nguyễn Tuấn A cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16/1997 ngày 25-09-1997. Đối chiếu giấy tờ cá nhân của chị gồm căn cước công dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh con chung thì chị sinh ngày 15-6-1981. Do đó, tại thời điểm kết hôn với anh Nguyễn Tuấn A chị chưa đến 18 tuổi (**16 tuổi 03 tháng 10 ngày**), chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính nhau, anh Nguyễn Tuấn A thường xuyên đánh đập chị. Từ năm 2022 đến nay, chị đã đưa con về gia đình ở Thôn PT, xã PT, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan T1 đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Nguyễn Tuấn A theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tuấn A có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06-11-1998 hiện nay đã trưởng thành và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 22-10-2010. Chị đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Thanh T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh Nguyễn Tuấn A.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tuấn A trình bày: Anh và chị Lê Thị M xây dựng gia đình với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện VB vào ngày 25-9-1997. Anh và chị M kết hôn trong hoàn cảnh chị M chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Tại Ủy ban nhân dân xã TH chị Lê Thị M khai sinh năm 1978, tuy nhiên thực tế chị M sinh năm 1981. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về tình cảm cũng như kinh tế, chị M đã đưa con nhỏ về bố mẹ đẻ ở xã PT, huyện VB thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân mỗi người ở một nơi, nay chị M đề nghị huỷ kết hôn trái pháp luật anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị M có hai con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 06-11-1998 hiện nay đã trưởng thành và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 22-10-2010. Chị M đề nghị huỷ kết hôn trái pháp luật và có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 22-10-2010 anh đồng ý. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị M.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng do người đại diện theo pháp luật trình bày: Theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/1997 ngày 25-9-1997 lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã TH thì anh Nguyễn Tuấn A và chị Lê Thị M kết hôn ngày 25-9-1997 trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm đăng ký kết hôn do sự hiểu biết của anh Nguyễn Tuấn A và chị Lê Thị M còn hạn chế và do sơ suất của công chức tư pháp hộ tịch khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết hôn đã không kiểm tra kỹ thông tin dẫn đến việc đăng ký kết hôn cho công dân khi chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị Lê Thị M đề nghị Tòa án huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị M và anh Nguyễn Tuấn A, Ủy ban nhân dân xã TH đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 9, 10, 11, 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị M đề nghị huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn A. Về con chung: Giao con Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 22-10-2010 cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn A tự giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Nguyễn Tuấn A có hộ khẩu thường trú tại Cum A, Thôn GP, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35

và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, chị Lê Thị M, anh Nguyễn Tuấn A và Ủy ban nhân dân xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn với nhau tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 25-9-1997. Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 16/1997 ngày 25-9-1997 của Ủy ban nhân dân xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng có ghi thông tin họ tên chồng là Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1973 và họ tên vợ là Lê Thị M, sinh năm 1978. Tuy nhiên, tại căn cước công dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh con chung chị Lê Thị M, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1981. Như vậy, thông tin về ngày, tháng, năm sinh của chị M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/1997 ngày 25-9-1997 của Ủy ban nhân dân xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng là không đúng. Tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 25-9-1997) chị M mới 16 tuổi 03 tháng 10 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp. Anh Nguyễn Tuấn A và chị Lê Thị M đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan T1 đến nhau. Nay chị M đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Nguyễn Tuấn A. Xét đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị M là có căn cứ căn cứ phù hợp các Điều 9, 10 và 11 của Luật Hôn nhân gia đình và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật: Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn A phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

[5] Về con chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn A có 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 06-11-1998 hiện nay đã trưởng thành và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 22-10-2010. Khi ly hôn, chị M và anh Nguyễn Tuấn A cùng đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Thanh T1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu

đề nghị nuôi con chung của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Chị M có nơi ở và thu nhập ổn định, cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 22-10-2010 hiện nay đang ở với chị M và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung Nguyễn Thanh T1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn A tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn A không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn A theo giấy chứng nhận kết hôn số 16/1997 ngày 25-9-1997 của Ủy ban nhân dân xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn A phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 22-10-2010 cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn A tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tuấn A không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị M đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006719 ngày 13 tháng 10 năm 2023. Chị Lê Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã TH huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền